

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Chữ “Việt” theo “Tàu”

Khi có chữ viết thì người Tàu dùng phép tượng hình. Để chỉ người Việt, vì người Việt dùng cái rìu làm vũ khí. Họ viết “*chữ Việt nguyên thủy*” gồm có:  
Một nét ngang dài tượng hình cho cái cán.  
Dưới có một cái móc xéo tượng hình cho lưỡi rìu.  
Và họ đọc là “Việt”.

Đến đời Chu, họ viết “*việt*” là “*vượt qua*”.  
Đời Thương, họ viết “*việt*” là “*lúa gạo*”.

(Nguồn: Bình Nguyên Lộc)

### Chữ nghĩa làng văn

Văn hóa là vô cùng vô tận, là thiên biến vạn hóa theo thời gian; với văn hóa thì không thể áp đặt, không thể đem văn hóa của dân tộc mình để gán ép cho văn hóa của dân tộc khác. Như Tết cổ truyền của chúng ta là vào tháng 3 chứ không phải vào đầu tháng giêng âm lịch theo người Trung Quốc.

Tết với người Trung Quốc có thịt mỡ, câu đối, nhưng Tết của người Việt ngoài thịt mỡ, câu đối còn có thêm *dưa hành với bánh chưng, bánh tét*.

Ấy là sự phát triển để hình thành nên một nền văn hóa khác.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

### “ong”

Nhiều học giả cho rằng các âm tiếng Việt biểu thị hình dạng. Như khi đọc âm “ong” thì y như rằng có cái gì...tròn tròn. Như:

*Quả bóng, cong vòng, cái lọng, cái nong, chạy lòng vòng..v..v..*

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

### Văn hóa cà phê

Buổi trưa ngồi ở quán ế, mùi vị của quê nhà. Tôi nhìn cái bàn vuông vức, sạch sẽ, quả tình thật là thương hại. Hộp đĩa nhân hạ, thất nghiệp chắc đã lâu. Lọ tương ớt trầm tư bên thấu đường ngái ngủ...Những sợi phở chui tuột vào bao tử im lặng, đến độ tôi nghe cả tiếng răng mình chạm vào nhau. Nhai, nuốt và tưởng nhớ. Buổi trưa tôi rồi cũng qua, rất vội...Tôi nhai, tôi nuốt và tôi tưởng nhớ La Pagode...



Quán cà phê “Cái chùa” từng nằm trên góc ngã tư Lê Thánh Tôn – Tự Do. Nó chính là nơi nhiều gương mặt thời danh của một thời văn chương chữ nghĩa, thơ văn, hội họa, âm nhạc, cũng như những tên tuổi lớn trong văn giới của Sài Gòn thời thượng, một thời thường có mặt. Khi viết về bạn bè, Lô Răng Phan Lạc Phúc dựa vào hồi nhớ, kỷ niệm. Đoạn viết về Cung Tiến là một thí dụ. Ở bìa sau Tuyển Tập Tạt Ghi, tức cuốn thứ nhì sau Bè Bạn Gần Xa qua Võ Phiến, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Cao Đàm thì những bằng

hữu của Phan Lạc Phúc như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, họ đều là khách quen của Quán chùa hồi đó, có thêm Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Đình Toàn, Viên Linh...Ấy là La Pagode của Sài Gòn một thời có mặt...

\*\*\*

Tôi nhìn quanh. Không nhìn nhưng tôi thấy những Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Kiệt Tấn, Luân Hoán, Tường Năng Tiến. Tôi thấy những Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Đình Toàn, Viên Linh...và vô số nhà văn, nhà thơ khác đang lặng lẽ nép vào nhau, lom khom nhìn tôi. Tôi ngái ngủ, ngáp và tôi hồi nhớ La Pagode của Sài Gòn...

Bao thuốc lá lụi đụi bên cái bật lửa gặt gù...tất cả, lại rủ rê tôi một nỗi quay quắt nhớ Sài Gòn. Tôi nhoáng nhoàng chầm lữa. Đám mây trắng ngoài kia lững thững mãi mới đi qua được cái cột đèn, cái ăng lạng của buổi sáng dương như ở chỗ nào cũng giống nhau. Thật mệt mỏi cho mình viết văn, làm thơ, lăn tăn làm gì cho mệt, có gì mà chảnh chọe. Nói cho ngay viết văn làm thơ nào có gì mỗ làng ngày xưa. Đầu óc rối bời bời nhìn mấy quyển sách ngả nghiêng trên bàn như mấy cái mộ bia là ông Đinh Cường, Nghiêu Đề, Đỗ Quý Toàn, Ngu Yên, Phan Ni Tấn, Hà Thúc Sinh. Đối diện với cái nghĩa địa văn học kia là quý ông Võ Phiến, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Cao Đàm, Phan Lạc Phúc. Họ nhìn tôi vừa ngáp, vừa ngái ngủ. Buổi sáng lãnh đẵng hương đất trời, rồi cũng qua đi, rất nhanh.

Trời thu, trời xanh nao lòng, nắng vàng cũng ngớ ngẩn. Tôi như hẫ hê với La Pagode của Sài Gòn một thời có mặt...ở thập niên 60. Cảm ơn buổi trưa, cảm ơn buổi tối, cảm ơn buổi sáng.

Một ngày, nhớ đời...

(Nguyễn Quốc Trụ - Tản mạn xung quanh Tạt ghi...)

### **Chữ nghĩa và tiếng Việt sao rắc rối thế**

Thành thực cảm ơn các bạn đã có nhiều lời hay, vui ý nghĩa để mình học hỏi...

**Mình khuyên mình, mà mình nói mình mình nghe  
Mình nói để tự mình mình, mình cứ lo mình mình đi**

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### **Viết văn, viết báo**

Nhiều người cho rằng nhà văn viết truyện dài, truyện ngắn thuộc loại hư cấu, thường đòi hỏi thì giờ, công lao và chỉ những loại truyện này được coi là văn chương chữ nghĩa.

Còn loại không hư cấu, trong đó có báo chí, viết về những sự việc vừa xảy ra, trình bày dữ kiện một cách vội vã. Nhưng báo chí ngày nay, dù có viết vội, không phải chỉ giới hạn trong thông tin, mà còn có nhiều bài đặc biệt, viết thật công phu, thật văn chương.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

## Tương lai từ vựng tiếng Việt



Phạm Quỳnh bảo tiếng Việt đặc biệt giàu từ cụ tượng. Từ cụ tượng có hai nhóm:

Nhóm “vô cảm”: gồm những từ *không* chứa cảm giác, cảm xúc.

Ví dụ: *trời, đất, núi, rừng, sông, biển, ao, chuôm, cây, cỏ, chim, cá, nai, gà, lợn, riu, củi, nôi, niêu, lúa, khoai, tay, chân* v.v. (1)

Nhóm “hữu cảm”: gồm những từ có chứa cảm giác hoặc cảm xúc.

Ví dụ: *nhấp nhô* (thị giác), *lả lay* (thị giác), *tí tách* (thính giác), *bì bõm* (thính giác), *ngào ngạt* (khứu giác), *thoang thoang* (khứu giác), *trơn tru* (xúc giác), *ram ráp* (xúc giác), *chát xít* (vị giác), *chua lè* (vị giác), *nao nao* (cảm xúc), *nhỏ nhỏ* (cảm xúc), *sè sè* (cảm xúc), *rầu rầu* (cảm xúc) (2) Không phải chỉ từ kép mới hữu cảm. Những từ đơn như *co, cúi, cuộn, cựa, day, gập, khom, khum, lách, lòn, luồn, nép, oằn, rướn, thót, uầy, vẹo* v.v., chúng cũng đều có chứa thứ cảm giác nhất định gì đấy chứ không phải “rỗng” như *nôi, niêu, nón!*

Tiếng Việt không giàu *từ cụ tượng vô cảm*, nhưng hết sức phong phú *từ cụ tượng hữu cảm*. Tại sao? Từ cụ tượng vô cảm chẳng qua là tiếng đặt ra để gọi tên vật. Phải đi nhiều, thấy nhiều vật nọ vật kia, phải chế tạo ra nhiều vật nọ vật kia, thì mới giàu tên gọi.

(1) Dĩ nhiên trong số những từ vô cảm đối với ta bây giờ, có thể có một số vốn xưa kia là hữu cảm. Tổ tiên ta có thể đã cảm giác thế nào đó khi gọi chim là “chim”, cá là “cá”.

(2) Truyện Kiều, *chỗ Kiều qua mã Đạm Tiên*: “*Nao nao dòng nước uốn quanh / Nhịp cầu nhỏ nhỏ cuối ghềnh bắc sang / Sè sè nắm đất bên đàng / Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*”.

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

## Ca dao và lịch sử

Các biến cố lịch sử ảnh hưởng rất lớn đến đời sống dân chúng, nhất là loạn lạc. Chiến tranh gây cảnh điêu tàn, chết chóc, nhà tan cửa nát. Nhân dân chỉ biết kêu trời, bày tỏ nỗi oán thán:

*Cái cò lặn lội bờ sông*

*Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*

*Em về nuôi cái cùng con*

*Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*

Ấy là thảm cảnh của người dân phải thi hành nghĩa vụ tòng quân dưới thời Nam Bắc Triều, xảy ra cuộc chiến tranh Trịnh - Mạc. Cao Bằng là căn cứ địa trọng yếu của nhà Mạc. Người lính trong câu ca dao trên thuộc hàng ngũ quân Trịnh, được lệnh lên đường đánh quân Mạc, võ về vợ con trong buổi chia ly.

(Phương Nghi - Tạp chí Tài hoa trẻ)

## Thanh âm

Trong tiếng Việt Nam ta chia ra hai hệ.

*Chữ nghĩa làng văn - CV055*

- Hệ có sáu thanh, nghĩa là phát âm đồng một cách thể mà giọng lên giọng xuống thành ra sáu thanh.
- Hệ có tám thanh, phát âm đồng một cách thể mà giọng lên giọng xuống thành ra tám thanh.

Cái hệ sáu thanh như thế nào?

Như tiếng "ba", là thuộc về hệ sáu thanh. Vì chỉ lên xuống giọng mà thôi, thì được năm tiếng nữa, là: *bã, bá, bạ, bả, bã*; như vậy, cộng với "ba" nữa là sáu.

Còn cái hệ tám thanh như thế nào?

Như tiếng "bông" là thuộc về hệ tám thanh. Vì chỉ lên xuống giọng mà thôi, thì được bảy thanh nữa là: *bông, bóng, bông, bống, bống, bấc, bợc*: như vậy, cộng với "bông" nữa là tám.

Cái đó là luật tự nhiên của tiếng Việt, do cái luật tự nhiên ấy mà các ông đời xưa đặt ra vần Quốc ngữ có phương pháp lắm.

(Phan Khôi – Về chữ Quốc Ngữ)

### Chữ nghĩa làng văn

Cụ Nguyễn gia Thiệu cách đây gần 200 năm đã viết : "Trẻ tạo hoá *đành hanh* quá ngán" (*đành hanh* là tiếng gốc Chàm, có nghĩa là *ganh ghét, ganh tị*).

Cụ Nguyễn Trãi cách đây gần 600 năm nói: "Tuy rằng bốn bể cũng *anh tam*" (Đó là tiếng Mã lai hiện nay, có nghĩa là *thằng em trai*).

(Nguyễn Hy Vọng – Cái tinh thần đặc biệt của tiếng Việt)

### Cải lương, vọng cổ

Cải lương từ hát bộ mà ra, *lương* nghĩa là tốt, *cải lương* là đổi cho tốt hơn. Khởi đầu có tên là "*ca ra bộ*", là ca hát theo điệu bộ, bắt nguồn từ Vĩnh Long, tại nhà thầy phó Mười Hai với tuồng "Xuân tình" và gánh hát cải lương đầu tiên của thầy André Thân.

*Vọng cổ* chỉ là *một phần nhạc* trong cải lương do ông Cao Văn Lầu người gốc Bạc Liêu. Vì chuyện có vợ, không con nên phải lấy vợ khác. Một đêm, nghe tiếng trống điểm vắng vắng từ chòi canh cuối xóm, tâm hồn xúc động, ông dùng cây đàn cò sáng tác bài "*Dạ cổ hoài lang*", nghĩa là giữa canh khuya nhớ...chồng.

(Vương Hồng Sển)

### Quan hệ thiên nhiên

Người Việt tích lũy được một kho tàng phong phú về quan hệ này:

- Trời đang nắng, cò gà trắng thì mưa.
- Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa.
- Ráng mỡ gà, ai có nhà phải trốn.
- Được mùa lúa, úa mùa cau – Được mùa cau đau mùa lúa.
- Mồng tám tháng tám không mưa – Bỏ cả cây bừa mà nhổ lúa đi.

Và hiện tượng trong đời sống hàng ngày:

- Thâm đông thì mưa, thâm dưa thì khú, thâm vú thì chữa.
- Cơm chín tới, cải vồng non, gái một con, gà ghe ổ.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

### Chữ Việt gốc Tàu

Đầu thế kỷ 21, trong bộ môn nghiên cứu và biên khảo, tiếng Hán Việt chiếm 30%, truyện 9%, thơ 11%, báo chí 29%...

Chữ Việt gốc Tàu là những chữ, những âm mà ta dùng thẳng từ của người Tàu hiện tại và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lạ. Và khi ta nói lên tiếng đó, người Tàu “liên hệ” có thể hiểu được.

Thí dụ *xí lất léo* là chữ Việt gốc...Triều Châu.

Và ca dao chỉ có 1%...

Chờ anh cho hết sức chờ  
Chờ cho *én xạ* lên bờ *khui hui*

Tiếng Triều Châu *én xạ* là rau muống. *Khui hui* là trổ bông.

(Nguyễn Hữu Phước – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

### Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Trong Kinh thi thể Đại nhã có chép rằng:  
“Say là tại uống rượu...”

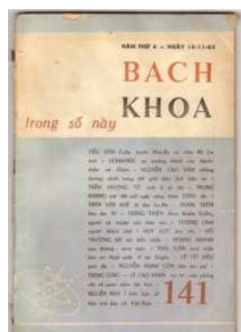
(Nguồn: Mạnh Tử)

### Bào ảnh

Bào ảnh – Bào: bọt nước. Ảnh: hình bóng.

Thường ví đời người mong manh, bèo bọt. Trong *Cung oán ngâm khúc* có câu: “*Sóng còn cửa bể nhấp nhô – Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gặp ghềnh*”.

### Giá sách cũ



Nhóm Bách Khoa chọn tòa soạn ở đường Phan Đình Phùng do nhà văn Huỳnh Văn Lang sáng lập. Sau giao toàn quyền việc điều hành cho ông Lê Ngô Châu. Ông Châu không phải là nhà văn, cũng không hề là nhà báo. Nhưng ông Lê Ngô Châu là người có khả năng điều hành và, dung hòa mọi phe phái. Phụ trách phần nội dung cho Bách Khoa có thể kể các nhân vật chính như Võ Phiến, lo văn xuôi, Nguyễn Ngu Í lo phỏng vấn, phóng sự. Tòa soạn Bách Khoa là nơi lui tới của những nhà văn, nhà thơ đa số lớn tuổi, nghiêm túc, nặng tình thần công chức, lễ giáo, như các ông Nguyễn Hiến Lê, Tạ Ty, Đoàn Thêm, Nguyễn Văn Trung, Trần Ngọc Ninh...

Nhóm Trình Bày (Thế Nguyên), tòa soạn ở đường Lý Thái Tổ, gần phố Tàu Bay, một vài thành viên nòng cốt như Nguyễn Văn Trung; Linh Mục Thanh Lăng; Diễm Châu (tổng thư ký); Nguyễn Quốc Thái (thư ký) tòa soạn. Về những tác giả thành danh cộng tác với Trình Bày có thể kể: Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngữ... Lớp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hảo, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn... Và, dĩ nhiên, Trình bày là nơi “tìm về” của những cây bút trẻ, chủ trương “dẫn thân”





Tạp chí Văn Học tòa soạn ở đường Lê Văn Duyệt, do ông Phan Kim Thịnh đứng tên chủ nhiệm, có được sự tiếp tay tích cực về phương diện bài vở của nhà thơ Dương Kiên. Sinh hoạt tại tòa soạn Văn Học có phần trẻ trung hơn. Là phụ tá, phụ trách bài vở cho Văn Học, nhưng nhà thơ Dương Kiên, vì công việc tại văn phòng luật sư riêng của mình, nên hiếm khi ông có mặt tại tòa soạn. Khách biên đình, anh em văn nghệ phương xa về Sài Gòn, ghé thăm Văn Học, nhiều khi đi tới, lui cả chục lần, không gặp ai.

Tạp chí Văn tòa soạn ở đường Phạm Ngũ Lão, do ông Nguyễn Đình Vượng đứng tên chủ nhiệm. Nhà văn Trần Phong Giao, Thư ký tòa soạn đầu tiên và lâu đời nhất của Tạp chí Văn những năm đầu thập niên 1960. Song song với 2 số báo Văn, mỗi tháng, nhà văn Trần Phong Giao còn trông nom nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng và, tủ sách Văn Uyển, sau đổi thành Tân Văn. Lý do, với bất cứ anh chị em văn nghệ nào, không biết mặt ông, dù ở đâu về, hỏi gặp ông, ông đều chối ông không phải là Trần Phong Giao. Chẳng những lạnh lùng, đôi khi, ông còn xẵng giọng nữa. Tuy nhiên, một khi đã quen biết, Trần Phong Giao lại cho thấy ông là người rất quý bạn và, quan tâm tới những buồn, vui riêng của mỗi người. Những người thành danh từ tạp chí Văn, như: Trần Hoài Thư, Hà Thúc Sinh, Mường Mán, Ngụy Ngữ, Cao Thoại Châu, Vũ Hữu Định...

## Làng văn hóa

Làng có lối sống đẹp là làng văn hóa, chứ làng nào mà chẳng có truyền thống văn hóa của mình.

Lễ hội đâm trâu là một nét văn hóa. Cho trai gái sống thử với nhau bảy ngày trong rừng trước lúc thành thân cũng là một nét văn hóa. Cái nào tới nay còn phù hợp thì giữ lại, thì bổ sung cho văn hóa hơn, đẹp hơn; cái nào thấy không còn phù hợp thì bỏ đi.

(Trần Quốc Vượng - Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm)

## Báo chí

Theo người Tây phương báo chí một thời không được coi là văn chương. Vì văn chương theo định nghĩa ở thế kỷ chỉ gồm có: Thơ, kịch, tiểu thuyết và truyện ngắn.

Thi sĩ người Anh Mathew Arnold (1822-1888) phát biểu:  
- Báo chí là văn chương...viết vội vàng.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

## Câu cú

Giáo sư dạy văn, đồng thời cũng là nhà phê bình văn học...Ông phê bình văn học miền Bắc Những câu cú què quặt, ngược nghĩa, ngô ngọng như sau:

Nhạc sĩ Trần Tiến có một bài hát với cái tên khoa trương "*Hà Nội những năm 2000*". Nhưng ít ai thấy thế là chương vì "*những năm 2000*" là gì? Là cả một khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2999, là cả nghìn năm, là cả thiên niên kỷ thứ ba đấy.

Cũng liên quan đến niên đại, người ta rất hay dùng cụm từ vô nghĩa “sau Công nguyên” nhất là trong những tài liệu lịch sử, chẳng hạn: nhà Lý rời đô đến Thăng Long năm 1010 sau Công nguyên... Tôi nói vô nghĩa là vì đến nay ta vẫn ở trong Công nguyên chứ chưa có bao giờ là sau Công nguyên cả.

Công nguyên là kỷ nguyên Thiên Chúa giáo lấy thời điểm Chúa Giê-xu ra đời làm mốc khởi đầu. Mốc đó tiếng La-tinh gọi là Anno Domini (A.D.- Năm của Chúa). Trước cái mốc đó thì có thể nói là “trước Công nguyên”, nhưng từ đó trở đi thì nằm trong Công nguyên và Công nguyên chưa hề chấm dứt nên không thể nói “sau Công nguyên” được.

## Ta khác Tàu

Ta gọi “du thủ du thực”, Tàu kêu.. *du thủ hiếu nhân*.

Ta kêu “thập tử nhất sinh”, Tàu gọi... *cửu tử nhất sinh*.

## Chữ “cái” trong tiếng Việt

Chữ “cái” ngoài là mạo tự chỉ giống đực, giống cái. *Cái* này còn nhiều nghĩa khác nữa:

*Cái* là lớn,

“Bé cái lằm” là lằm...to.

“Anh về xẻ ván cho dầy

Bắc cầu sông *cái* cho thầy mẹ sang”.

Sông *cái* là sông không...nhỏ.

Bổ khỉ, ăn canh nó chỉ ăn *cái* chứ không ăn nước.

Rượu *cái* là cơm rượu còn để nguyên cả hạt gạo nếp. Để phân biệt với rượu nước chắt ra từ do chưng cất từ cơm rượu.

“Đá mòn rêu nhạt – Nước chảy huê trôi - *Cái* hạc bay lên mãi tận trời” - Tản Đà.

”Ai ơi, chớ lấy Kẻ La – *Cái* dưa thì khú, *cái* cà thì thâm” – Ca dao.

## Rắn và kiến

Câu thành ngữ chỉ người nào đó khéo nói: “Con rắn trong lỗ cũng phải bò ra”. Đúng ra là “*Con kiến trong lỗ cũng phải bò ra*”.

Vì *rắn* không có tai.

## Luật đổi thanh

Luật *đổi thanh* rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thảy các thể thơ.

Hễ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng, rồi trắc, hay bằng ngắn (không dấu), bằng dài (có dấu huyền).

Nhiều khi chỉ đổi thanh cũng đủ không cần vần. Đọc mấy câu này của Đoàn Phú Tứ:

"Duyên trăm năm dứt đoạn

Tình một thuở còn hương

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngát."

(Hoài Thanh - Thi nhân Việt Nam)

## Cao Miên và Cao Man

Từ thời các chúa Nguyễn, Thủy Chân Lạp được gọi là Cao Miên. Theo *Đại Nam thực lục*, vì kỵ húy tên con (Thiệu Trị) là “Miên”, năm 1826 vua Minh Mạng đổi tên là *Cao Man*. Nhà Nguyễn sau này gọi lại tên cũ là Cao Miên.

## Văn học miền Nam 1954-1975



Sau 1954: tờ báo đẩy mạnh việc đổi mới văn học là tờ Sáng Tạo. Tờ báo chú trọng đến việc giới thiệu văn chương nước ngoài là tờ *Văn* của Nguyễn Đình Vương và Trần Phong Giao.

Bách Khoa là tạp chí văn học sống lâu nhất và quy tụ những khuynh hướng chính trị đối chọi nhất. Ngoài những báo định kỳ về văn học, còn có những báo thiên về chính trị. Trong khi Nguyễn Mạnh Côn ra tờ Chính Văn có lập trường đối lập với Cộng sản thì Nguyễn Văn Trung chủ trương tờ Hành Trình và Đất nước (1964-1967). Cả hai tờ này nặng về lý luận, có hậu ý muốn dẹp thể chế miền Nam. Thế Nguyên ra tờ Trình bày có khuynh hướng trên nhưng lời lẽ nặng nề hơn. Hai linh mục Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín ra tờ Đối Diện (1969) công khai chống chính quyền miền Nam. Đặc biệt hơn là Vũ Hạnh và Lữ Phương xuất bản tờ Tin Văn (1966) dưới sự lãnh đạo của cán bộ nằm vùng Nguyễn Văn Bồng

Nguyễn Hiến Lê ghi lại trong hồi ký: "Tư tưởng chính trị của những cây viết nòng cốt của Bách Khoa có khi trái ngược nhau: Vũ Hạnh thiên cộng. Võ Phiến chống cộng. Đoàn Thêm, Phan Văn Tạo, không ưa cộng nhưng cũng không đả; nhưng cũng không nói ra. Tôi (Mặc Giao), có lẽ cả Nguyễn Ngu Ý và Lê Ngọc Châu có cảm tình với kháng chiến, nhưng anh em trong toà soạn vẫn giữ tinh hoà hảo với nhau. Đó là điểm tôi quý nhất".

(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

### Truyện cực ngắn - Thất tình

Nói cách khác, truyện thật ngắn ngắn hơn truyện ngắn; truyện cực ngắn lại càng ngắn hơn truyện thật ngắn. Ngắn đến độ không thể ngắn hơn được nữa:

Bị thất tình, chàng uống độc được tự tử. Một phần mười giây trước khi tắt thở, chàng sực nhớ là mình chưa kịp yêu ai cả.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Có hai giai đoạn duy nhất đàn ông không hiểu đàn bà:

- Trước khi cưới, và sau khi cưới.

### Chữ nghĩa trong thơ

Một hôm tôi gặp bài "*Đợi thơ*" của Hồ Dzếnh. Lời lời hoa mỹ, câu nào câu nấy chặt ních những xa xôi, mơ hồ, mộng ảo; tôi mê toi, "ngâm" đi "ngâm" lại:

*Biển chiều vang tiếng nhân ngư*

*Non xanh thao thiết trời thu rượi sầu*

*Nhớ thương bạc nửa mái đầu*

*Lòng vương quán khách nghe màu tà huân*

Lời không hiểu mấy, ý không rõ mấy, nhưng mặc kệ: tôi thích, mê toi. Tôi có chú ý đến mấy tiếng "*non xanh thao thiết*". "*Thao thiết*" ám ảnh tôi. Xanh thao thiết là xanh cách nào? Không biết đích xác, nhưng tôi cho đó là một chữ tài tình, đúng với màu núi "nọ"(?) Rồi cách dăm



ba năm, bảy tám năm, tình cờ gặp một tác giả nào đó cũng "*xanh thao thiết*". Nhưng tôi chưa bắt gặp "thao thiết" trong một cuốn tự điển Việt ngữ nào.

(Nguyễn Hưng Quốc – Đi tìm Võ Phiến)

### Chữ nghĩa làng văn

Theo Vũ ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại thì người Hà Nội có một thói quen gọi tên một người, họ lại hài chức vị người đó ra mà gọi. Phần người gọi cảm thấy hãnh tiến vì có quan hệ quen biết với người được gọi. Chẳng hạn : *áy quan đốc nhà tôi, áy anh Huyện X. Chữ nhà tôi, tự bầy tỏ cái huênh hoang, thấy sang bắt quàng làm họ.*

Đã là đốc học, đốc tờ mà còn kèm theo chữ cụ hoặc chữ quan nữa : *quan đốc tờ, quan đốc học, cụ Nghị, cụ Hàn, cụ cử, cụ ký, cụ Thượng, cụ Tú, thầy đội xếp, thầy cai, cụ lang ta, cụ bang tá, thầy quản, anh Khóa, anh cung văn, thầy đồ, sinh đồ hay cống sĩ, quan phủ doãn, hiến ty, đề điệu, quan thừa sứ, ông Trùm, ông Chánh trương, ông hậu, ông Hàn, ông cửu, cụ Thượng, ông Lý, cụ Chánh.*

### Chữ và nghĩa

Ăn cắp, ăn cướp, ăn trộm – Thường dùng những chữ “ăn cắp, ăn trộm” khi có ai lấy của người khác một cách lén lút; còn lấy công khai, không sợ gì cả, là “ăn cướp.

” Ăn trộm thường là lấy từ nhà người ta, khi chủ nhà đi vắng, ngủ kỹ hoặc sơ ý, khác với ăn cắp thường xảy ra ở ngoài đường, ngoài chợ.

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

### Tiếng Việt sao lắt léo thế

Về cách biến thể của những câu nói, chỉ cần ngắt câu thì những câu không giống nhau thì sẽ có những câu khác không biết bao nhiêu mà kể. Thí dụ như:

Đàn bà không có đàn ông, là con số không  
Đàn bà không có đàn ông là con số không  
Đàn bà không, có đàn ông, là con số không

(Đoàn Văn Phi Long - Trau giồi tiếng Việt)

### Báo chí

Một nhà văn kiêm nhà báo cho rằng:

“Thi sĩ làm một bài thơ, nhạc sĩ làm một bài hát, nếu được ưa thích sẽ được người ta ngâm vịnh hoặc hát nghêu ngao. Nếu người ta không thích thì người ta im ắng, không ngâm, không hát.

Còn nhà văn viết truyện, nhà báo viết bài, nếu họ không thích, họ không im lặng mà chửi cho...thối đầu.

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

### Dịch văn hóa

Vì sợ “thiếu văn hóa” nên ở trong nước bây giờ mọc ra rất nhiều ....cơ sở văn hóa. Thế mới biết người ta khao khát văn hóa đến chừng nào! E mọi người không biết đó là văn hóa, lại tưởng rằng đang sống giữa một xã hội thiếu văn hóa thì nguy to!

Thế nên mỗi tỉnh đều có nhà văn hóa: nhà văn hóa Mỹ Tho, nhà văn hóa Tiền Giang, nhà văn hóa Trà Vinh, nhà văn hóa Óc Eo, nhà văn hóa Cà Mau..v.v..

Lên đến Sài Gòn ngoài nhà văn hóa Thanh Niên, văn hóa Thiếu Niên, văn hóa Phụ Nữ, văn hóa Lao Động. Còn có cả... công viên văn hóa: công viên văn hóa Gia Định, công viên văn hóa Phú Lâm, công viên văn hóa Phú Nhuận...v.v..

Rồi đến khu phố văn hóa, đầu hẻm dựng tấm bảng to đùng:  
Khu phố văn hóa. Tụ điểm văn hóa có nhà văn hóa phường trưng tấm bảng to tổ chảng:  
Tổ văn hóa. Kèm theo khẩu hiệu “Quyết tâm xây dựng khu phố là khu phố văn hóa”.

Trong nhà văn hóa phường là gian phòng nhỏ, loe ngoe vài ba đĩa nhạc, đồ gốm, ít cuốn sách ố vàng, đăm tờ báo đóng bụi...

Tụ điểm đa số là ở đầu hẻm, nghĩa là ngay dưới chân bảng hiệu “Khu phố văn hóa” là nơi buôn bán lem nhem, tủ thuốc lá, xe nước mía với đồng bã mía vo ve tiếng ruồi bu.

Và cũng chẳng thể thiếu vắng tiếng trẻ con chửi thề: *Địt mẹ...*

(Sài Gòn cô nương – báo Tự Do)

## Văn hóa cà phê

Sáng nay cà phê một mình  
Sài Gòn chợt mưa chợt mưa  
(Cà phê một mình- Ngọc Lễ)

Câu hát thật dễ thương. Lại nhớ đến Sài Gòn và những quán cà phê buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối. Người Sài Gòn lúc nào cũng uống cà phê được. Bạn bè gặp nhau là rủ nhau ra quán cà phê. Tình nhân hẹn hò là lấy điểm hẹn ở một quán cà phê quen thuộc. Giới làm ăn hẹn nhau ra quán cà phê để trao đổi những điều cần thỏa thuận cho công việc mà các bên cùng quan tâm. Ngay đến hình thức quán cà phê cũng đã rất đa dạng. Từ quán cóc vỉa hè có thể bắt gặp ở bất cứ góc đường nào của thành phố, đến những quán cà phê Tàu có bình trà bằng thiếc to tướng (ngày xưa chúng tôi hay gọi đùa là trà Thiếc Quan Âm), rồi đến những quán cà phê lộ thiên trang nhã dưới một gốc cổ thụ (như cà phê Bạch Tùng Diệp đối diện với Dinh Gia Long cũ), những quán cà phê cửa kính có máy lạnh, có nhạc Trịnh Công Sơn.

Đó là Sài Gòn ngày xưa, với không khí văn hóa cà phê, trí thức hay bình dân tùy theo hình thức của quán. Dù bình dân hay trí thức, thì không khí của quán là thứ không khí mà, nói theo nhà văn quá cố Hoàng Ngọc Tuấn, ở nơi đó ai cũng quen nhau. Ở đó, những người khách xa lạ ngồi cùng bàn (thậm chí khác bàn) có thể nói chuyện với nhau tự nhiên như đã quen nhau từ trước. Ở đó, một bác xích lô có thể tranh luận kịch liệt với ông giáo sư trung học về một sự kiện thời cuộc nào đó vừa được đăng trên nhật trình (báo ngày)..v.v..

(T.Vấn – Văn hóa cà phê)

## Sách báo miền Nam

Viết sách báo thì phải có nhà xuất bản. Theo Võ Phiến, riêng Sài Gòn có cả nghìn nhà in, 150 nhà xuất bản (một số nhà nổi tiếng như Khai Trí, Sống Mới, Trường Thi, Lá Bối, Nguyễn Đình Vượng...v.v..) và chục nhà phát hành (Thống Nhất, Nam Cường, Đồng Nai, Á Châu...v.v..). Tất cả đều là của tư nhân (ngay cả Võ Phiến cũng có nhà xuất bản riêng).

Nguyễn Hiến Lê có nhiều lần tiếp xúc với các nhà làm văn hóa từ Bắc vào thăm ông. Và ông cũng có nhiều phương tiện nghiên cứu về sinh hoạt sách báo của họ thì ước tính rằng miền Bắc mỗi năm có 100 tựa sách. Trong khi miền Nam mỗi năm xuất bản 1000 tựa mỗi năm (1968).

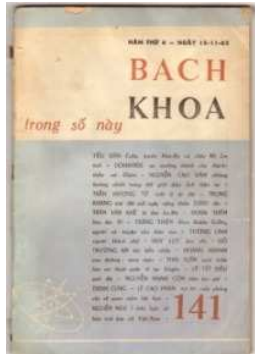
(Mặc Giao – Văn hóa Việt Nam)

## Truyện cực ngắn - Không

Không ai tắm hai lần trong cùng...*một bồn nước.*

### Văn học miền Nam 1954-1975

Độc giả đông đảo đủ mọi thành phần nhiều tầng lớp khác nhau. Trong giai đoạn đầu từ 56 đến 63: độc giả có học đọc *Bách Khoa*, *Văn Hoá Ngày Nay*... lớp trẻ cấp tiến đọc *Sáng Tạo*, lớp trí thức đọc nhóm *Quan Điểm*.



Từ 1963 trở đi, báo chí trở nên đa dạng, tờ *Văn* có một chỗ đứng riêng biệt trong sự tiếp cận với văn học nước ngoài, và cũng là tạp chí văn học bán chạy nhất thời ấy. Những tờ như *Đất Nước*, *Hành Trình*, *Trình Bày*... nói đến những vấn đề của con người trước chiến tranh. Những tờ như *Đối Diện* của Nguyễn Ngọc Lan chống lại chính quyền...

Về sự lựa chọn tác giả, có thể nói:

Lớp bụi đời thích đọc Duyên Anh. Lớp sống vũ bão thích Chu Tử.

Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, phản ảnh lớp phụ nữ nhận thức chính mình qua thân xác.

Lớp trí thức thích cách đặt vấn đề của Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng. Lớp trẻ lãng mạn giao thời thích đọc Mai Thảo. Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu là những tác giả khó, đòi hỏi người đọc một trình độ trí thức cao...

(Thụy Khuê – Văn học miền Nam)

### Nói lái

Ông Lãng Nhân, trong quyển *Chơi chữ* có nhắc đến những chuyện nói lái như bà Hồ Xuân Hương trong bài *Kiếp tu hành*:

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo

Vị gì một chút tẻo tèo teo

Thuyền tình cũng muốn về Tây Trúc

Trái gió cho nên phải lộn lèo

Với “đá đeo” nói lái là *đéo* và “lộn lèo” là “l...”.

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

### Tiếng nói xưa và nay

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu nguồn gốc một số danh từ mờ nghĩa thường được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày:

- Chùa *chiền*: Trong từ điển Việt - Pháp của Génibrel (1893) có giải thích: *Chiền* là một loại chùa (une sorte de pagode).

## Chữ nghĩa làng văn

Trong phần dẫn nhập truyện *Liêu Trai Chí Dị* của Bồ Tùng Linh có bài thơ *Cảm đề* và được ghi chú là của Nguyễn Khắc Hiếu:

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi  
Dàn dưa lún phún hạt mưa rơi  
Chuyện đời hảnh chán không buồn nhắc  
Thơ thần nghe ma đọc mấy lời

Nhưng thực ra bài thơ *Cảm đề* là của Vương Hữu Đường và Tần Đà dịch tác:

Cô vọng ngôn chi cô thích chi  
Đầu bằng qua giá vũ như ty  
Liệu ứng cảm tác nhân gian ngữ  
Ai thích thu phần xướng quý thi

### Góp nhặt sỏi đá!

Hỏi : Tui mù tiếng Việt, ngó mấy câu ca dao này tui mù chớt luôn!  
Nhờ ông thầy bày dùm, tui cảm ơn thiệt tình.

- *Tát nước theo mưa*
- *Xô người xuống giếng*
- *Trơn lông đỏ da*
- *Chỉ đâm ba chầy củ*

Đáp : Để tui... "Bó�i bèò ra bọť" à nha.

(DatViet.com – Trau giời tiếng Việt)

### Giời nhẹ hơn trời!



Ông đồ "Vũ Đình Liên"  
Tranh sơn dầu Bùi Xuân Phái  
(1920 – 1988)

Có khi cũng cùng một chữ nhưng cách phát âm khác nhau cũng tạo thành những nghĩa thơ khác nhau. Ví dụ, hai câu này của Vũ Đình Liên:

*Lá vàng rơi trên giấy*  
*Ngoài trời mưa bụi bay.*

Câu sau, tôi thích đọc theo giọng Bắc: "trời" thành "giời". Đã đành dù là "trời" hay "giời" thì câu thơ vẫn là một sự khắc họa hình ảnh cơn mưa bụi đang lất phất bay. Nhưng âm "giời" nhẹ và dài, dễ gợi cảm giác buồn và lạnh của một cơn mưa bụi lâm thâm, lác rắc rơi trên hình bóng một ông đồ ngồi hiu quạnh với lá vàng và với nỗi thê lương. "Ngoài *trời* mưa bụi bay" thì chỉ có mưa. "Ngoài *giời* mưa bụi bay" thì không những chỉ có mưa mà còn có cả cơn rét gậy gậy, se sắt, tái tê.

(Nguyễn Hưng Quốc - Nghĩ về thơ)

## Văn hóa ẩm thực: “Ăn”

Người ta tìm ra rằng: “Cuộc đời của một người đàn ông hầu hết gắn bó với chữ “ăn” với gần nửa đời trước:

Còn nhỏ thì... “*ăn vạ*”.  
Không còn nhỏ nữa thì... “*ăn nói bậy bạ*”.  
Nhẹ là... “*ăn bạt tai*”.  
Nặng là bị... “*ăn đấm*”, “*ăn đá*”.

Lớn lên thì... “*ăn học*”.  
Học giỏi là... “*ăn vóc học hay*”  
Đến tuổi thì... “*ăn diện*”, “*ăn chơi*”.  
Xuống xóm là... “*ăn bánh trả tiền*”.  
Nếu không có tiền thì... “*ăn quýt*”.

## Chữ “cái” trong tiếng Việt cổ

“Cơm đồ, nhà gác, nước vác, lợn thui”, câu ca dao này đã diễn tả cách sống của các cụ ta vào thời cổ xưa, có thể nằm vào thời Hùng Vương chẳng hạn. Ngoài ra, ca dao có những tiếng Việt cổ, thí dụ tiếng “*cái*” là “mẹ” có từ thời *Bố cái đại vương* (tức Phùng Hưng 790) : Nàng về nuôi *cái* cùng con  
Đề anh đi trẩy nước non Cao Bằng

Có người thắc mắc tại sao lại nói: “Cái cò, cái vạc, cái nông....” Mà không nói con cò, con vạc, con nông? Tiếng *cái* ở đây vừa là cò mẹ, vạc mẹ, nông mẹ, vừa nói lên trách nhiệm của người đàn bà theo chế độ mẫu hệ của tộc Việt từ thời xa xưa.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt)

## Chữ nghĩa thập niên 20

*Bóng nguyệt* – Ý nói mơ màng trong giấc mộng. Sách *Tình sử* có câu: “Qui mộng bất tri giang lộ viễn - Dạ thâm tùy nguyệt bộ Hồng kiều”, nghĩa là trong giấc mộng mà về với nhau, thì chẳng biết gì đường cách sông, cách đò, đêm khuya theo bóng trăng mà đi dạo trên cầu đò.

(Tôn Thất Lương – Xuân mộng)

## Văn hóa du mục

Văn hóa Việt từ thời nhà Lê sau này lấy Nho giáo làm quốc giáo. Trong đó có tư tưởng “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” với “nam tôn nữ ti”, hay “dương...thiện âm...ác”.

Ác hơn nữa là văn hóa du mục Tàu sang nước ta, các cụ ta xưa lấy tên đệm con trai là “văn” (ra ngoài đi *học*), còn con gái là “thị” (ở nhà đi *chợ*).

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

## Giá sách cũ

Tôi (HỒ ÔNG) nhớ vào khoảng năm 1970, tôi đã viết cùng lúc cho 4 tờ báo gồm: Nhật báo là Tự Do (Chủ nhiệm Phạm Việt Tuyên, Tổng thư ký Nguyễn Trọng), Nhật báo Thời Thế (Chủ nhiệm Hồ Anh, Tổng thư ký Lê Xuyên), Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong (Chủ nhiệm Hồ Anh, Tổng thư ký Tử Vi Lang) và Tuần báo trào phúng Con Ong (Chủ nhiệm "Chí sĩ" Minh Vồ, Chủ bút Thương Sinh, tức Duyên Anh).

Tuy cùng cộng tác chung ở Nhật báo Thời Thế, nhưng tôi chưa có duyên tiếp xúc với Nhà văn Lê Xuyên, Tổng thư ký của báo này. Nguyên do vì tôi thường đến sớm đưa bài cho người thư ký của tòa báo Văn nghệ Tiền Phong, và luôn tiện nhờ chuyển cho Nhật báo Thời



Thế, rồi rút ngay về bên toà soạn Con Ong hưởng ứng những cuộc đấu hót hết từ toà soạn đến mấy cái quán xá nằm trên đường Võ Tánh.

Chính vì thế đối với nhà văn Lê Xuyên, mặc dù tôi rất ái mộ lời văn "đối thoại dấm dẳng" pha chất sex nhẹ nhàng kiểu "cởi cái nút áo người yêu cả tuần lễ chưa xong", rất Lê Xuyên, rất Nam Bộ với những ngôn ngữ địa phương thuần túy, không hề bị pha trộn với ngôn ngữ của thời đại... nhưng tôi vẫn chưa một lần được đối diện để xem "Chú Tư Cầu" ngoài đời chịu chơi đến mức nào.

Cứ căn cứ vào các nhân vật "Chú Tư Cầu", "Rặng Trâm Bầu", tôi tưởng nhà văn Lê Xuyên phải là một ông Nam Bộ bậm trợn lắm mới viết rành lối văn "dấm dẳng ướt át" đến độ độc giả nào đã theo dõi "feuilleton" của anh là không thể nào bỏ qua được tờ báo vào ngày hôm sau. Có lần tôi thắc mắc hỏi "Chí sĩ" Minh Vồ, thì anh cười toáng lên, nói: "Cậu lầm rồi, Lê Xuyên nó còn hiền lành hơn thầy tu, nhát hơn con gái nhà lành nữa đấy. Nghe nói tục là nó biến ngay, đổ dấm!".

Một buổi tôi và Minh Vồ cùng Dê Húc Càn, rủ nhau ra ăn sáng tại quán hủ tíu ở "mũi tàu" Võ Tánh - Lê Văn Duyệt gần tượng Phù Đổng Thiên Vương. Đang đấu hót rôm rả trong lúc chờ đợi đồ ăn, bất chợt Minh Vồ đứng vụt dậy chạy ra ngoài kêu lớn: "Lê Xuyên! Lê Xuyên! Vào đây ăn sáng với tụi tao đã!".

Lê Xuyên, năm đó trạc khoảng trên 40 tuổi, người hơi nhỏ con, ăn mặc tươm tất. Anh vừa kéo ghế ngồi xuống, Minh Vồ bô bô giới thiệu. Đây là lần đầu tiên tôi gặp tác giả "Chú Tư Cầu", Lê Xuyên.

(Hồ Ông - Kho báu trong tác phẩm của Lê Xuyên)

## Văn phong

Nền tảng của văn phong là nếu có lời văn hoa mỹ, chải chuốt là điều hay. Nhưng điều quan trọng hơn vẫn là rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu.

Triết gia Aristotle của Hy Lạp từ thế kỷ thứ tư trước Tây lịch đã nói: "Viết giỏi là có tư tưởng như người thông thái, nhưng phát biểu như người thường".

Mark Twain cho rằng chữ ngắn, câu ngắn, đó cách viết hay nhất. Ông bảo: "Văn của tôi là nước lã. Văn của các đại văn hào là rượu nho. Mọi người đều uống...nước lã".

(Vũ Thụy Hoàng – Múa bút)

## Giời và trời!

Có tác giả cho là "giời" là tiếng Bắc và "trời" là tiếng Nam. Nhưng không hẳn vậy, vì ngoài Bắc đều nói cả hai tiếng 'giời' lẫn "trời".

Đúng là bị giời đày. Vì: "Giời ạ! Ông trời có mắt xuống đây mà xem, chả biết người Bắc khi nào gọi là giời, lúc nào kêu là trời.

## Giai thoại làng văn

Thâm Tâm lúc ấy ở Nhà Diêm với đại gia đình. Mấy em gái anh sống về nghề đóng sách mượn cho các nhà xuất bản, kiếm ăn chật vật. Được đồng nào, anh chỉ mang về cho gia đình được một ít, còn lại phải thù tiếp trả lại anh em, nên trong nhà ít khi có đủ tiền tiêu. Mặc dầu suốt trong thời kỳ tôi đi chơi bời với anh, Thâm Tâm không hề than thở với tôi một lời nào, nhưng ai cũng biết các em anh phải vay mượn thêm mới đủ ăn, mà ăn không đủ chất bổ cũng như Phụng vậy. Có lẽ cũng vì thế, Thâm Tâm thường phải vay trước tiền của nhà báo. Một hôm, không hiểu vì nguyên nhân gì, ông Long từ khước và bảo Thâm Tâm: "Ông không nên vay thì hơn".

Thế là Thâm Tâm đứng dậy liền, móc túi còn bao nhiêu mời anh em đi uống rượu hết và anh uống thật say rồi đọc thoại "Không cho vay thì bảo là không cho vay có được không, tại sao

lại nói ông không vay thì hơn! Thế nào là hơn? Mà tại sao lại hơn? Hơn cái gì? Hờ khi!”. Sau đó, Tâm đi kháng chiến, và đã mất rồi. Tôi không gặp anh lần nào ở hậu phương, cho nên không biết tâm tính anh có thay đổi nhiều không, nhưng trước đó thì anh là một người “đá bất mãn hoài”, nhưng lì lì không nói, bao nhiêu oán hận, tủi hờn đối với tổ chức xã hội lúc bấy giờ đều gói ghém vào trong các truyện ngắn và các bài thơ tuyệt diệu.

Truyện “Con Vò” của anh là điển hình quan niệm của anh về xã hội lúc bấy giờ, và sau này, nghĩ lại thì anh đã múa bút viết bài thơ bất hủ trên “Tiểu Thuyết Thứ Bảy”.

*Đưa người ta không đưa qua sông,  
Sao có tiếng sóng ở trong lòng...*

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

### Lối chơi chữ trong đối và thơ

Trong dân gian, lối nói chữ “dân dã” dễ hiểu hơn và cũng có nhiều lối chơi bất ngờ, đầy thú vị. Đây là một cách chơi chữ đồng âm:

*Cóc chết bỏ nhái mỏ côi,  
Chẫu ngòi chẫu khóc: chàng ơi là chàng!  
Ễnh ương đánh lệnh đã vang,  
Tiền đâu mà trả cho làng, ngoé ơi!*

Chữ “chàng ơi!” là tiếng khóc của cô Chẫu đối với chàng Cóc, thế nhưng ở đây chỉ nói tới con chẫu chàng trong bộ 5 con vật: cóc, nhái, chẫu chàng, ễnh ương, ngoé.

( Nguồn : e-cadao.com )

### Bờm

Ca dao có câu “Thằng Bờm có cái quạt mo...” với *bờm* là chữ Nôm, chữ Hán là “*bản*”. Vì vậy bờm là thằng nhà nghèo. Và “*bờm*” không phải là tên, nên không viết hoa là...*Bờm*.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

### Tiếng Việt không đơn giản

Xin chào các bác, các cô, các chú, các em, các anh...toàn thể nhân dân Đất Việt  
Là 1 người việt nhưng không rành tiếng Việt, mình mạng phép lập topic này để hỏi các cô chú về các thành ngữ tiếng Việt mà mình không hiểu hoặc hiểu mù mờ, mong các bác các chú giúp đỡ cho thằng em.

Từ đầu tiên : *xí đú*. Ví dụ : ề mà y ! nhờ đó xí đú thấy mờ !

Từ thứ 2 : *hiếu chết liền*. Ví dụ : tao hiểu tao chết liền!

Còn nữa để em nhớ cái đã hen.

Các bác các chú có những câu thành ngữ, tiếng lóng nào hay xin đưa lên cho em học hỏi với nhé. Ví dụ như:

*Bồ câu* : Cảnh sát giao thông

*Vẹm* : Ý nói người CS, cái này chỉ thấy nói ở trên mạng, xin hỏi mấy bác ai phát minh ra từ này vậy, bắt nguồn từ đâu.

*Bị vịn* (hay dịn) : Ý nói bị bắt tại trận. Ví dụ : tao bị bồ câu vịn làm tốn hết 50 ngàn!

(Nguồn ĐatViet.com)

### Chữ nghĩa làng văn

Hỏi: Chú ơi, chú cho Ty hỏi là nghe nói thi sĩ Việt Nam trước đây, có người ký bút hiệu bằng tên Pháp. Ai dzậy chú?

Đáp: Ngoài Bắc có J. Leiba, tên thật là Lê Văn Bái. Trong Nam có J. Staiala, tên thật là Nguyễn Hồng Kỳ. Cả hai tên Pháp đều bắt đầu bằng chữ “J”.

Hỏi: “J” nghĩa là chi chú.

Đáp: Hồng hay! Hỏi chi hỏi các cứ thần dậy.

## Từ: làm là để hát

Phạm Thái và Quỳnh Như lưu lại mười bài *Từ*.

Trong văn học Trung Hoa, *Từ* là một thể thơ với những câu dài ngắn không đều và xuất hiện sau. Họ muốn phá vỡ những quy tắc khắt khe của bài Đường luật để đem lại cho điệu thơ nhiều biến đổi, cũng để thích ứng lời thơ cho việc phổ nhạc. Bài *Từ* khởi lên ngay từ đời Đường qua đời Tống thì rất thịnh hành. Bài *Từ* không có một khuôn khổ duy nhất. Các thi gia, nhạc gia chế ra nhiều điệu, đặt cho mỗi điệu một tên có cả trăm điệu, kể mười điệu quen : *Bồ tát man, Ưc Tân Nga, Mộng Giang Nam, Điệp luyến hoa, Tây giang nguyệt, Trường tương tư, Tổ ai tình*.

Trong văn học ta có lẽ bắt gặp lần đầu dưới ngòi bút của Phạm Thái và Quỳnh Như bởi *Từ* nặng màu tình cảm, thường mượn tiết tấu uyển chuyển, lời lẽ nùng diễm để đạo đạt những u tình, kiển ngộ, nhất là rất xứng hợp để bọn tài tử giai nhân khơi tả nỗi sầu tư luyến tưởng nên ta không lấy làm ngạc nhiên thấy xuất hiện dưới bút của đôi công tử tiểu thư Lê mạt này trong câu chuyện tình duyên của họ.

*Từ* không thấy nảy nở về sau, trừ có ngành ca Huế lợi dụng nó rộng rãi, còn không thấy dưới ngòi bút các thi gia. Có lẽ phần vì nó lả lướt, phóng túng không hợp với óc qui củ của nho gia ta vì nếu chỉ cần cho âm điệu biến đổi, tiết tấu phong phú, thì ta đã có sẵn những lối song thất, hát nói, giàu nhạc tính hơn nhiều.

(Phạm Thế Ngũ, Việt Nam văn học sử giản ước tân biên)

## Truyện cực ngắn - Người em

Nhà có hai chị em. Năm 1954, chị ở lại với gia đình ngoài Bắc, em theo chồng vào Nam.

Chiến tranh. Thằng con người chị xung phong đi bộ đội, vào Nam chiến đấu. Thằng con người em dù trốn chui, trốn lủi, cuối cùng số phận cũng bắt phải cầm lấy khẩu súng, và là người lính của phía bên kia. Cả hai đều tử trận!

Đất nước thống nhất. Hai chị em (lúc này đã là hai bà lão) đều sống trong cảnh cô đơn. Em đón chị vào Nam ở, để chị em sớm tối có nhau.

Từ đó, hàng năm, đến ngày 30 tháng 4, người em lại vắng nhà...

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

“Với sức người sỏi đá cũng thành cơm”.

Có nguồn cho rằng câu thơ này của Tố Hữu.

## Chữ “tua rua” trong tiếng Việt cổ

Một câu ca dao khác có từ thời cổ xưa mà nguồn từ tộc Nam Dương hay Mã Lai cổ mà nhiều nhà nhân chủng học cho là có liên hệ đến chủng tộc Việt:

*Bao giờ thấy võ thị rơi*

*Tua rua quặt xuống thì thôi cày bừa*

Câu trên làm ta nhớ lại một câu ca dao khác mà Bình Nguyên Lộc đã sưu tầm được:

*Tua rua đã xé ngang đầu*

Em còn đứng đó làm giàu cho cha

Theo Bình Nguyên Lộc, *tua rua* là tiếng Mã Lai. *Tua* là ngôi sao. *Rua* là sao rua. Người Việt gọi là sao Mang, người Tàu gọi là sao Mão.

(Mặc Giao – Văn hóa Việt)

## Văn hóa cà phê

Nhiều văn hào lừng danh trên thế giới (như vợ chồng triết gia người Pháp Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir) khi ngồi xuống bàn viết, ngoài xấp giấy trắng phải luôn luôn có ly cà phê nóng trước mặt.

Từ thế kỷ 15, 16 ở Châu Âu đã xuất hiện khái niệm "văn hóa cà phê", ám chỉ những quán cà phê thường có sự lui tới của các văn nghệ sĩ, các triết gia. Họ đến đó, trước hết như là nơi thường xuyên gặp gỡ hàng ngày, để ăn uống, trao đổi bàn bạc những bản thảo họ đang thai nghén, hay để chia sẻ những ý kiến riêng về các vấn đề văn hóa thời sự nóng hổi.

Nhiều tác phẩm quan trọng có tầm vóc thay đổi thế giới đã ra đời từ những quán cà phê như thế. Franz Kafka, nhà văn gốc Do Thái, đã đọc lại bản thảo tác phẩm lừng danh "Hóa Thân" (Metamorphosis) tại quán cà phê Café Stefan ở Prague (thủ đô Tiệp Khắc). Tiệm cà phê cổ nhất ở Paris, khai trương năm 1686 (và đến nay vẫn còn hoạt động (?)), Le Procope, với vị trí thuận lợi tọa lạc gần hí viện La Comédie-Francaise, đã được sự chiếu cố đặc biệt của các nghệ sĩ, các nhà viết kịch (Moliere, Racine v.v..) nên đã tồn tại một thời gian kỷ lục. Lịch sử về văn hóa cà phê tại châu Âu đã ghi nhận sự ra đời của gần 40 quán cà phê, đến nay vẫn còn hoạt động tại 20 thành phố, từ Budapest (Hung Gia Lợi) diễm lệ sang trọng đến một góc phố tồi tàn của St. Petersburg (Nga).

Ở Sài Gòn, trước năm 1975, có quán cà phê La Pagode, nằm trên đường Tự Do, là nơi tụ tập của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của miền Nam. Cái tên La Pagode đã có chỗ đứng rất trang trọng trong nhiều tác phẩm văn, thơ xuất bản cả trước lẫn sau 1975. Cũng từ quán cà phê Cái Chùa (La Pagode), một nhóm các nhà văn, nhà thơ lúc ấy đã "lãng-xê" một "trí thức thời thượng": kính trắng và ống vớ (pipe). Và tất nhiên, trước mặt phải có ly cà phê bốc khói, và cái lọ đựng những viên đường thẻ trắng tinh.

(T.Vấn – Văn hóa cà phê)

## Truyện ngắn I

Truyện ngắn đầu tiên trên không xuất hiện ở Tây phương mà là ở Trung Đông. Lịch sử truyện ngắn bắt đầu bằng *Tales of the Magicians* của Ai Cập, tiếp đến là *Một nghìn một đêm lẻ* của Ba Tư. Ở Tây phương, truyện ngắn chỉ xuất hiện khoảng 200 năm.

Tại Việt Nam, truyện ngắn có từ thế kỷ 13 với *Báo cục truyện* thời nhà Trần. Thế kỷ 16 với *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ (\*).

Năm 1866, truyện cổ tích bằng chữ quốc ngữ do Trương Vĩnh Ký thu thập, sao chép lại và xuất bản tại Sài Gòn.

*(Phụ chú: Theo Trần Văn Tích trong "Sự muôn năm cũ" báo Làng Văn thì tác giả "Truyền kỳ mạn lục" đúng ra là Nguyễn Dữ chứ không là Nguyễn Dữ (\*) như mọi người vẫn lầm tưởng)*

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ nghĩa làng văn

Nguyễn Văn Ái trong *Từ điển phương ngữ miền Nam* và Nguyễn Như Ý trong *Từ điển đối chiếu địa phương* đều xem "rờ" và "sờ" là một, là hai từ hoàn toàn đồng nghĩa.



*Từ điển Việt-Bồ-La* của Alexandre de Rhodes và *Đại Nam Quốc Âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của chỉ có “rờ” chứ không có “sờ”.

Theo tôi “rờ” và “sờ” là hai từ tương tự, gần gũi với ngữ âm và nghĩa, chứ không phải là hoàn toàn đồng nghĩa. Trong cảm nhận của tôi, “sờ” là đưa tay chạm vào một vật gì đó, trong khi “rờ” không phải chỉ chạm mà còn xoa nhẹ.

(Nguyễn Hưng Quốc – Tiếng Việt: sờ và rờ)

### Chữ nghĩa thập niên 20

**Áp cây** – Nghĩa là ôm cây mà đợi. Sách *Trang Tử* chép rằng: Vỹ Sinh là học trò có tín. Một hôm có hện với tình nhân, đến bên một cái cột cầu. Người tình nhân không đến. Vỹ Sinh cứ ôm cái cột cầu đến nổi nước dâng lên và chịu chết đuối. Ý nói đợi chờ đã có tín thực, thì chết cũng đành, nghĩa là mong mỏi khao khát lắm.

(Phan Mạnh Danh – Thập nhất chân)

### “oi”

Nhiều học giả cho rằng phần lớn các âm tiếng Việt biểu thị hình dạng. Như khi đọc âm “oi” thì y như rằng có cái gì...*dài thêm ra*.

Cái vôi, cái ngòi (sông nhỏ), thòi ra, lòi tói, nhoi lên, ngoi lên..v.v..

(Nguyễn Triệu Việt – tạp chí Tân Văn)

### Từ Hán-Việt

Trong ngôn ngữ Việt Nam lại có rất nhiều từ là từ Hán Việt đã bị bỏ quên, nhưng... vẫn phải xài, và khi cần, ta lại bị lúng túng không biết phải tìm đâu ra. Nhận thấy sự khó khăn đó, tôi, do sự khuyến khích của nhiều thân hữu, đã phải cố gắng hết sức trong khả năng hạn hẹp của mình để sưu tầm những từ Hán Việt thông dụng nhưng đã bị “mờ mờ” đó, hầu cống hiến bà con độc giả để chúng ta cùng nhau tham khảo.

- **Bất Túy Vô Quy**: Không say không về.
- **Bằng Hữu Mãn Thiên Hạ Tri Kỷ Năng Kỷ Nhân**: Bạn bè nhiều khắp thiên hạ, tri kỷ để có mấy người.
- **Tửu Nhập Tâm Như Hồ Nhập Lâm**: Ý nói có rượu uống vào thì người thấy rất là vui vẻ, hùng dũng như cọp được thả vào rừng.
- **Tửu Nhập Ngôn Xuất**: Rượu vào lời ra.

(Thầy Chạy - Những danh từ Hán-Việt thường dùng)

### Ca dao tình tự

[Gió đưa bụi chuối sau hè,](#)



Giờn chơi chút xíu ai dè có con.

## Văn học miền Nam 1954-1975

Đặc điểm chính của nền văn học miền Nam từ 1954 đến 1975, là đã thoát khỏi văn học thế kỷ XIX, già từ lãng mạn tiền chiến.

Nhiều nhà văn tìm cách xây dựng tư tưởng trên nền triết học hiện đại, đưa con người về hướng tìm hiểu chính mình. Triết học hiện sinh xuất hiện dưới nhiều hình thức: phòng trà tửu quán, ăn chơi, bụi đời, là tầng thấp nhất; ở mức cao hơn, nó hậu thuẫn cho tác phẩm: con người quay về khảo sát chính mình, nhận thức chính mình, với những nhân vật của Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu... Cách mô tả của Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, nhiều chỗ, cho thấy các ông đã dùng hiện tượng luận trong sự mổ xẻ và phân tích.

Để áp dụng tư tưởng triết học vào thực tế văn học một cách vừa phải, dễ hiểu, đã có các ngôi bút như Nguyên Sa, vừa là giáo sư triết vừa là nhà thơ, như Nguyễn Văn Trung vừa là giáo sư đại học vừa viết sách triết học và phê bình văn học. Quan niệm dẫn thân của Sartre, qua Nguyễn Văn Trung, thâm nhập vào đời sống giới trẻ: Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lữ Phương, Nguyễn Đắc Xuân, là những học trò của Nguyễn Văn Trung, do ảnh hưởng quan niệm dẫn thân của Sartre mà vào bưng, hồi 1968. Cuốn "*Ca tụng thân xác*" Nguyễn Văn Trung cũng đã ảnh hưởng ít nhiều đến các nhà văn phụ nữ trong lối viết mạnh bạo về thân xác của họ.

Tóm lại, triết học hiện sinh, chủ nghĩa siêu thực và phân tâm học, giúp một số tác giả đào sâu thêm nhiều vấn đề trọng yếu của con người, của đất nước, đặt lại vấn đề chiến tranh. Kịch của Vũ Khắc Khoan phát triển khía cạnh phi lý trong đời sống. Thanh Tâm Tuyền trong thơ tự do, khai phá vùng tiềm thức con người bằng những cách tạo hình mới lạ. Truyện của Dương Nghiễm Mậu đào sâu cái trống rỗng ghê gớm trong hiện sinh con người, bị tha hoá trong chiến tranh và nhục tiếu. Mai Thảo vẽ lại một thời kháng chiến đầy ảo tưởng, và tạc những bộ mặt hư vô, chán chường, sống vật vờ trong say sưa, nơi vũ trường thành thị. Võ Phiến đào sâu xuống những mất mát của con người khi phải bút khỏi nguồn cội, tra khảo vùng bản năng sâu kín của tính dục.

Phan Nhật Nam trình bày những bi đát của đời lính, những kẻ cầm súng bắn vào quê hương mình. Bình Nguyên Lộc tìm về nguồn cội của dân tộc di dân từ Bắc vào Nam, chiếm hữu đất đai của người Chăm, người Chân Lạp, tìm sống trong rừng đước, rừng mắm, vươn lên từ hai yếu tố cơ bản: đất và nước. Túy Hồng, Thụy Vũ thể hiện tâm linh táo bạo của người phụ nữ thời đại, chao đảo trước một thứ nữ quyền vừa thành hình qua sự nhận diện thân xác, và bị dẫn vật trong một xã hội vẫn còn chưa hẳn thoát khỏi đạo lý Khổng Mạnh, v.v...

Mỗi nhà văn có một vùng khai phá riêng. Tính chất đa dạng ấy khiến cho văn học miền Nam, qua các ngôi bút khác nhau, đã phản ánh được thân phận con người trong xã hội chiến tranh, bằng những hình thức sáng tạo mới, khác hẳn tiền chiến, tạo cho văn học Việt Nam một bộ mặt trưởng thành trong tâm thức nhà văn và tâm thức độc giả.

(Thụy Khuê – Văn học miền Nam)

## Chữ Nôm

*Nôm* là biến âm của chữ Nam: Chữ "*nam*" cộng với chữ "*khẩu*".

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

## Đổi họ

"Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam" của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội thực hiện năm 1987. Tác giả đã đổi những nhân vật họ "*Huỳnh*" thành "*Hoàng*", "*Chu*" thành "*Châu*", "*Vũ*" thành "*Võ*". v .v...

Do đó trong từ điển có những danh nhân như Hoàng Thúc Kháng, Hoàng Tịnh Của, Châu Mạnh Trinh, Võ Ngọc Phan, Võ Trọng Phụng... Làm như vậy không những kỳ quặc mà còn là một điều bất kính với tiền nhân.

(Đặng Trần Huân – Chữ nghĩa bẽ bề)

### Văn hóa ẩm thực: “Ăn”

Người ta tìm ra rằng: “Cuộc đời của một người đàn ông hầu hết gắn bó với chữ “ăn” cho đến cuối đời:

Lỡ không có việc là... “*ăn không ngồi rồi*”.

Ăn theo, ăn bám vợ... “*ăn sung mặc sướng*”.

Ăn nên làm ra rồi bày đặt... “*ăn kiêng*”.

Về già rụng răng có nước... “*ăn cháo*”.

Ngồi trên bàn thờ là... “*ăn xôi nghe kèn*”.

### Tiếng Việt nghèo nàn nhưng phong phú

Thấy cái đề tài này hay hay, cho nên cái bang tôi xin phép được góp hai câu. Tuy rằng không phải là văn thơ, nhưng hai câu về này đã có từ thuở xôi đậu:

*Hôm qua qua nói qua qua mà qua không qua*

*Hôm nay qua không nói qua qua mà qua lại qua*

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

“Đào tị” và “tiểu táo, đại táo” nghĩa là gì? Ai biết chỉ dùm!

### Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là “lộng ngữ” và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau*.

Chơi chữ là dùng cách nói lái, tức là đảo vị trí phần vần và thanh điệu của hai từ liền kề nhau:

*Con cá đối nằm trong cối đá*

*Con mèo đuôi cụt nó nằm mục đuôi kẻo*

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

### Lúa Chiêm

Cây lúa cần nhiều nước nên ban đầu, chỉ có một vụ lúa vào mùa có nhiều mưa (hè, thu) gọi là *lúa mùa* (1). Về sau có thêm loại lúa có khả năng chịu hạn vào mùa khô (đông, xuân) gọi là *lúa chiêm*.

Lúa chiêm xuất xứ từ Chiêm Thành khô hạn nên có câu thành ngữ *Chiêm Nam, mùa Bắc*, và tên gọi “lúa Chiêm” chỉ phổ biến ở phía Bắc, miền Trung hầu như không dùng.

*(1) Từ “mùa” trong tiếng Việt khởi đầu với nghĩa “khoảng thời gian trong năm” (mùa xuân), “mùa” được dùng để chỉ “thời gian trồng lúa” (mùa lúa) và “thời gian thu hoạch lúa” (mùa màng), rồi chuyển thành tên gọi chỉ một loại lúa (lúa mùa).*

(Trần Ngọc Thêm - Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

## Truyện ngắn II

Truyện ngắn dạng hiện đại, không phải cổ tích hay truyền kỳ xuất hiện ở Tây phương thế kỷ 18.

Theo thời gian và tùy theo tác giả thì:

Washington Irving nặng về *cốt truyện* – Nathaniel Hawthorne nghiên về *cá tính nhân vật* – Edgar Allan Poe kiện toàn bằng *tình tiết câu chuyện* – O. Henry có lối *kết thúc bất ngờ* - Bret Harte với *phân tích nhân vật* – Joseph Conrag thì truyện đôi khi trở thành *truyện không có cốt truyện*.

Gần đây một số nhà văn hiện đại dùng lối kết *bổ lửng* như *Địa ngục môn* của Nhật với mở ra nhiều hướng để người đọc suy nghĩ khác nhau như Gregorio Fuentes (Mẽ Tây Cơ) hay Nguyễn Huy Thiệp với *Kiểm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết*.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ nghĩa...tàn lụn

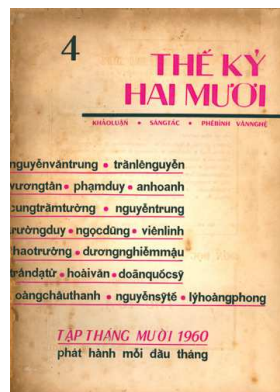
Số mệnh chữ nghĩa mỏng manh như số phận con người. Thời gian như thước đo chiều dài ngắn của chữ nghĩa, đồng thời cảnh báo về cái hữu hạn của nó. Cũng vậy, theo sách vở, như chữ *lụn*, nghĩa là hết, ta chỉ dùng trong một số trường hợp hiếm hoi:

*Tim lụn* có nghĩa tim đèn cháy hết, *lụn năm, lụn ngày, mềm lụn, lụn xuống, lụn mặt*..

Mấy ai còn nhớ, còn biết, còn sử dụng những chữ cổ trên.

## Giai thoại làng văn

Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện đại, Thế Kỷ 20 v.v...



Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nôn mưa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng Sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó. Và nếu có viết thì chỉ đứng ở ngoài nhìn vào, chứ không phải đứng trong lòng cuộc chiến như những kẻ trực tiếp ở trong lòng hỏa ngục. Riêng, những người trẻ viết vẫn không những lãnh phần đánh giặc, chết thể mà còn tự nguyện lãnh thêm những sấp giấy nhét trong ba lô hay túi áo trận có khi dính đầy máu. Khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục viết về ca sĩ, vũ nữ v.v...thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

*“Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vất vả”*

*Ở đây thiếu thốn về nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật?”*

(thư từ Dakto ngày 12-12-1970, Vấn đề số 45 tháng 4- 71)

May mắn trong thế giới ấy chúng ta có một Trần Phong Giao của Văn. Có thể nói, trong thời chiến, không một người viết trẻ nào lại không nhớ đến cái công tìm tòi, khai phá những tài năng mới của tạp chí Văn, mà thơ ký tòa soạn Trần Phong Giao là người đầu tàu. Như tên gọi của nó, đây là một số báo Trần Phong Giao thực hiện, dành riêng cho những người mới đến với Văn. Mới từ người vẽ tranh bìa: họa sĩ Hồ Đắc Ngọc. Và tất nhiên cái mới chính là từ những người làm thơ viết văn: Lê Văn Thiện, Đặng Tấn Tới, Kinh Dương Vương, Nguyễn Đường-Thai, Nguyễn Lệ-Uyên, Hoàng Ngọc Châu, Hồ Minh Dũng, Lộc-Vũ, Mường-Mán, Hoài Tuyết Trang, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Lương Vy, Nguyễn Văn Ngọc, Lê Miên Tường, Phạm Thanh Chương.

(Trần Hoài Thư – Trần Phong Giao và những người viết trẻ)

### Chữ nghĩa biên khảo: Thần làng và đình

Thần làng của ta là thần riêng của dân làng đó là điều quan trọng vì các làng Trung Hoa không bao giờ có thần riêng cả, từ thời cổ đến nay (Maspéro). Đó là tục của người Mã Lai mà hiện Nhật Bản và các đảo Mã Lai còn giữ.

Đình của Trung Hoa không phải là nơi thờ phượng mà chỉ là cái nhà cất trên đường để bộ hành nghỉ ngơi, nam nữ đều vào được. Đình của ta là nơi thờ thần làng và nơi hội họp của các trưởng lão trong làng và phụ nữ không được vào.

Sự trùng hợp của danh từ *đình*, có thể hoặc là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hoặc là một cuộc vay mượn vì ảnh hưởng Trung Hoa về sau, ta đã vay mượn một cách không cần thiết một số danh từ mà ta đã có rồi.

Cái *đình* thì người Sơ Đăng, một thứ người nói tiếng Mã Lai y như Việt Nam, gọi nó là cái *rong*. Có thể tổ tiên ta đã bỏ *rong* vay mượn...*đình*.

Thần thành hoàng của Trung Hoa xuất hiện vào đời nhà Chu. *Thành* là bức tường bao quanh thành phố và *hoàng* là “*cái hào*” bao quanh bức tường.

*Thần thành hoàng là thần của thị dân. Gọi thần của ta là...thần thành hoàng là sai.*

(Bình Nguyên Lộc - Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam)

### Tiếng Việt sao lắt léo thế

Về cách biến thể của những câu nói, chỉ cần 5 tiếng “*Sao nó bảo không đến?*”, người Việt sắp sếp thành 24 câu không giống nhau :

Sao nó bảo không đến?  
Sao bảo nó không đến?  
(...)  
Bảo không, sao nó đến?  
Bảo! Sao, nó đến không?

(Trau dồi tiếng Việt - ĐấtViet.com)

### Giải phóng

Tiến Sĩ Lê Hiến Dương, hiệu trưởng Đại học Đồng Tháp, thoát đăng trên trang nhà của *Diễn Đàn Việt Thức*. Ông tiến sĩ bàn về hai chữ “giải phóng”, về thói quen của người Việt hay dùng chữ “*hồi trước/sau giải phóng*” để phân biệt hoặc định mốc thời gian:

“*Tất nhiên người Việt mình nghe mãi rồi quen tai và không thấy gì phản cảm khi dùng hoặc nghe cụm từ này,*” ông viết. “*Nhưng khi tôi vô tình dùng nó lúc nói chuyện với một đồng nghiệp người nước ngoài rằng ‘...after the liberation of the south...’ thì ông ta sững sờ hỏi ngay rằng ‘... liberation from what?...’ – Giải phóng khỏi cái gì? Thì tôi mới hết hoảng với cách dùng cụm từ này để định mốc thời gian của người Việt... bởi đối với hầu hết người Việt,*

*nhất là người miền Nam hoặc đối với cả đồng bào miền Bắc di cư vào Nam năm 1954 nữa, thì ‘giải phóng’ là một nỗi ám ảnh trong cả đời người...”*

Sau đó ông tiến sỹ kể lại kỷ niệm “*hồ hởi, phẫn khởi*” khi nghe tin Miền Nam “*được hoàn toàn giải phóng*” vào ngày 30 tháng 4, 1975 khi ông còn đang học tại trường sư phạm Vinh. Khi các sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà bị đày ra Bắc, các sinh viên như ông được lệnh gom đá để khi xe chở tù đi ngang thi trút lên đầu họ những trận mưa đá. Sau vô số trận tập kích ném đá tù nhân đó, ông và các bạn tốt nghiệp và được đưa vào Nam “*để mang ánh sáng văn hoá vào cho đồng bào miền Nam ruột thịt bao năm qua sống trong u tối lầm than vì cứ liên miên bị nguy hiểm, Mỹ hăm chửi đầu có được học hành gì...”*

Và ông tiến sỹ, như nhiều người Việt cả Bắc lẫn Nam sau 1975, đã tình mộng, “*bắt đầu nghi ngờ với cụm từ ‘giải phóng miền nam’*”. Ông viết tiếp: “*Dần dần tôi hiểu sâu hơn cái sự mỉa mai chua chát của hai từ ‘GIẢI PHÓNG’ đang được dùng trong kho tàng Tiếng Việt của nước nhà...”*. Rất can đảm và thành thực, ông tiến sỹ nói về những thảm kịch đằng sau chữ “*giải phóng*”. Cuối cùng ông đau đớn kết luận là ông “*cảm thấy quá căm thù nhân loại bởi đã bị ra tù từ ngữ ‘giải phóng’ và ‘giải phóng mặt bằng’ mà chi để dân Việt chúng tôi vì nó mà phải khổ lụy đến dường này.”*

Đọc xong tôi cũng thấy cảm cảnh cho ông tiến sỹ, song cũng trộm nghĩ giá ông tiến sỹ nói lên được một lời xin lỗi cho chính ông và các bạn, về một việc nhỏ thôi, là đã ngây thơ nghe lời dụ dỗ tuyên truyền thắng tay ném đá những người tù “*cái tạo*” năm nào, thì có lẽ ông sẽ cảm thấy vui đi phần nào, chứ “*căm thù nhân loại*” thì chỉ thấy lòng mình phần uất, nặng nề thêm thôi.

(Trùng Dương – Thời đại của xin lỗi)

### **Chữ nghĩa với cỏ cây...(I)**

Hỏi : Cây được xem là mơ mộng nhất là cây gì?

### **Truyện cực ngắn - Chuyện tình**

Có lẽ ranh giới tận cùng của truyện cực ngắn là một câu. Nhưng câu cũng có năm, bảy loại câu. Trong văn chương hiện đại, dưới ngòi bút của không ít nhà văn có tên tuổi, nhiều câu dài dằng dặc trong một hay hai trang giấy, nghĩa là dài bằng cả một truyện thật ngắn bình thường. Bởi vậy, câu trong truyện cực ngắn phải là những câu vừa phải. Càng ngắn càng tốt. Như:

*“Hắn đưa các truyện cực ngắn về tình yêu cho vợ hắn xem. Nàng cần nắn: “Anh lấy vợ cả hàng chục năm rồi mà không viết nổi một câu chuyện tình cho đàn ông sao?” Hắn hỏi lại: “Vậy chuyện tình đàn ông phải như thế nào?” Vợ hắn gất: “Thì phải biết tưởng tượng chứ!”*

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã**

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã về “biết” từ Đông qua Tây:

Tây :

- “Hãy tự biết mình”
- “Tôi chỉ biết một điều, đó là tôi không biết gì cả”  
(Socrate – Câu chuyện triết học, Will Durant)

Tàu :

- “Biết nói là biết, không biết nói là không biết, đó là biết”.  
(Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri – Luận ngữ - Thiên II)

Ta :

- “Biết chết liền”.
- “Thiệt hết biết”.

### **Chữ nghĩa với cỏ cây...(II)**

Đáp : ...Cây mơ.



## Giai thoại làng văn 54-75

Đêm Nôn năm ấy, đi chơi với một người khách trẻ măng không biết tên và trong tối sáng nhấp nhem, cũng không hẳn tường mặt. Những bước thong thả trên đường khuya. Lúc này chỉ còn lại đám người vun quanh khu nhà thờ Hàng Trống và mấy cửa hàng Thủy Tạ, Phú Gia mở cửa trắng đêm đón người chơi Nôn.

Chúng tôi thường viết bài cho mục phát thanh của quân đội nói với thính giả miền Nam. Đọc tài liệu, giấy tờ bắt được ở chiến trường, trò chuyện với phi công tù binh Mỹ. Có lần, tôi vào làng La Cả uống rượu ăn thịt chó với đại tá Phạm Văn Đính, đại tá Vĩnh Phong - người hoàng tộc đã ra hàng quân giải phóng ở điểm cao Cồn Tiên Đốc Miếu. Hai sĩ quan hàng binh này sơ tán ở một nếp nhà tranh của quân đội ẩn trong lùm cây ổi cây nhãn giữa làng. Thỉnh thoảng, kéo nhau ra thị xã Hà Đông sắp hàng mua bia hơi. Có người đến thăm, khói bếp thịt chó nghi ngút cả ngày

Tôi cũng thường đọc trên đài một Thư Hà Nội gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, Đôi mắt của Hiền, cô Hiền ấy, con gái bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên. Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ tản cư ra Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và các nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, được tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà Doãn Quốc Sỹ viết chữ cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói cùng quê của anh.

(Tô Hoài - Cát bụi chân ai)

*Ngộ Không Phí Ngọc Hùng*